

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2025
Hanoi, 14 August 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/The State Securities Commission
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM/Ho Chi Minh City Stock Exchange

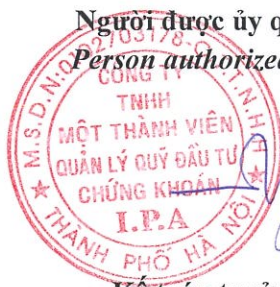
- Tên Công ty Quản lý quỹ: Công Ty TNHH MTV Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A
Fund Management Company name: I.P.A Securities Investment Fund Management Limited Company
- Tên quỹ/ *Fund name:* Quỹ ETF IPAAM VN100/ETF IPAAM VN100 Fund
- Mã chứng khoán/ *Security Symbol:* FUEIP100
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address:* số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại/ *Telephone:* (84-24) 7305 6188
- Email/ *email:* support@ipa.com.vn Website/ *Website:* <https://ipaam.com.vn/vi/home/>
 - Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tổng kết hoạt động quỹ ETF IPAAM VN100 bán niên năm 2025
Content of Information disclosure: Annual Report on management operation of ETF IPAAM VN100 Fund – Interim period of 2025
 - Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty /Quỹ vào ngày 14/08/2025 tại đường dẫn :
<https://ipaam.com.vn/vi/home/>
This information was disclosed on Company/Fund's Portal on date 14/08/2025 Available at: https://ipaam.com.vn/vi/home/
- Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./
- We declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.*
- Tài liệu đính kèm:** Báo cáo tổng kết hoạt động quỹ ETF IPAAM VN100 bán niên năm 2025
Attachment: Annual Report on management operation of ETF IPAAM VN100 Fund – First half of 2025

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu HC

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH MTV
QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN I.P.A
Representative of I.P.A Securities Investment Fund Management Limited Company

Người được ủy quyền công bố thông tin
Person authorized to disclose information



Kế toán trưởng/Chief Accountant
Nguyễn Thị Thúy Lan

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ

ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN I.P.A

I.P.A Securities Investment Fund

Management Limited Company

Số/No: 182 /2025/CV-FUEIP100

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2025

Hanoi, 14 August 2025

BÁO CÁO

Tổng kết hoạt động quản lý quỹ bán niên 2025

Annual Report on management operation of ETF IPAAM VN100 Fund

Interim period of 2025

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission of Vietnam*

Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh/ *Ho Chi Minh City Stock Exchange*



1. Thông tin về quỹ/công ty đầu tư chứng khoán/ *Information about the fund*

a) Tên của quỹ/ *Name and type of Fund*: Quỹ ETF IPAAM VN100/ *IPAAM VN100 ETF Fund*

b) Mục tiêu đầu tư của quỹ/ *Investment objectives of the fund*: Mục tiêu đầu tư của quỹ là bám sát mức sinh lời thực tế của chỉ số VN100 trong tất cả các giai đoạn/ *The objective of ETF the fund is to closely follow to the actual profitability of the VN100 index in all periods*

c) Thời hạn hoạt động của quỹ/ *Operating period of the fund*: Không giới hạn/ *Indefinite life*

d) Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio): VN100

e) Chính sách phân chia lợi nhuận/ *Profit distribution policy*: Không có/ *None*

f) Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành/ *The number of outstanding Fund units*: 5.200.000 đơn vị quỹ/ *Fund units*

g) Nội dung thay đổi tại Điều lệ quỹ trong kỳ báo cáo/ *Changes in the Fund's charter*: Không có/ *None*

h) Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo/ *Contents of the resolution of the General Meeting of Investors*:

Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư số 01/2025/NQ-ĐHNĐT của Quỹ ETF IPAAM VN100 có nội dung như sau:

Resolution of the General Meeting of Investors No. 01/2025/NQ-ĐHNDT of IPAAM VN100 ETF Fund with the following contents:

- Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động của Ban đại diện Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2024/ *Approval of the 2024 Activity Report of the IPAAM VN100 ETF Fund Representative Board*
- Thông qua Báo cáo hoạt động giám sát năm 2024 của Ngân hàng giám sát Quỹ ETF IPAAM VN100/ *Approval of the Supervisory Activity Report for the year 2024 of the Custodian Bank of the IPAAM VN100 ETF Fund*
- Thông qua Báo cáo về kết quả năm 2024 và chiến lược đầu tư năm 2025 của Quỹ ETF IPAAM VN100 / *Approval of the Report on the Operations for the year 2024 and the Investment Strategy for the year 2025 of the IPAAM VN100 ETF Fund*
- Thông qua báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán của Quỹ ETF IPAAM VN100/ *Approval of the Audited Financial Statements for the year 2024 of the IPAAM VN100 ETF Fund*
- Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận của Quỹ ETF IPAAM VN100 năm 2024/ *Approval of the Profit Distribution Plan for the IPAAM VN100 ETF Fund for the year 2024*
- Thông qua Chi phí hoạt động của Ban Đại diện quỹ năm 2024 và dự kiến ngân sách hoạt động của Ban Đại diện quỹ năm 2025/ *Approval of the Operating Expenses of the Board of Representatives for the year 2024 and the Proposed Operating Budget for the Board of Representatives for the year 2025.*
- Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 của Quỹ ETF IPAAM VN100/ *Approval of the Selection of the Audit Firm for the Review of the Financial Statements for the year 2025 of the IPAAM VN100 ETF Fund.*
- Miễn nhiệm Chủ tịch Ban đại diện Quỹ/ *Approval of the Dismissal of current Chairperson of the Board of Representatives.*
- Bầu bổ sung Chủ tịch Ban đại diện Quỹ/ *Election of Additional Chairperson of the Fund's Board of Representatives*
- i) Ý kiến nhận xét của ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Thông tư hướng dẫn về hoạt động và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán/ *Opinions of the supervisory bank about the contents specified in the Circular providing guidance on operations and management of securities investment funds: Chi tiết xem mục 4 báo cáo này/ Please see details in Section 4*

2. Báo cáo về kết quả hoạt động của quỹ/ *Reporting on operations of the Fund*

a) Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 30/06 của 3 năm gần nhất / *Information about the investment portfolio and the NAV of the Fund determined at June 30th of the latest 3 years:*

Quỹ được UBCK NN cấp giấy chứng nhận thành lập quỹ vào ngày 14/9/2021 theo Giấy chứng nhận số 37/GCN-UBCK/ *The fund was officially approved for establishment by the State Securities Commission of Vietnam under License No. 37/GCN-UBCK, dated September 14, 2021*

- Danh mục đầu tư của quỹ phân bố theo ngành, lĩnh vực và loại sản phẩm (cổ phiếu, trái phiếu...) (không nêu chi tiết cả danh mục theo mã chứng khoán))/ *The investment portfolio of the Fund, sorted by business sectors/fields and*

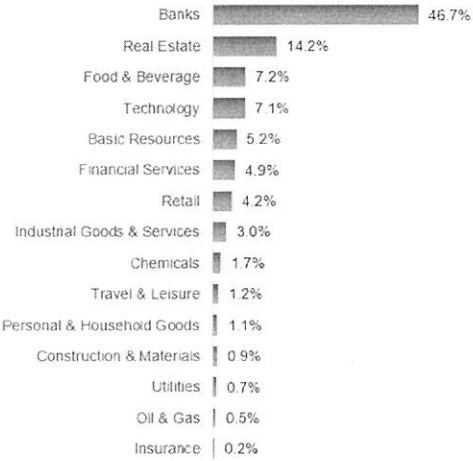
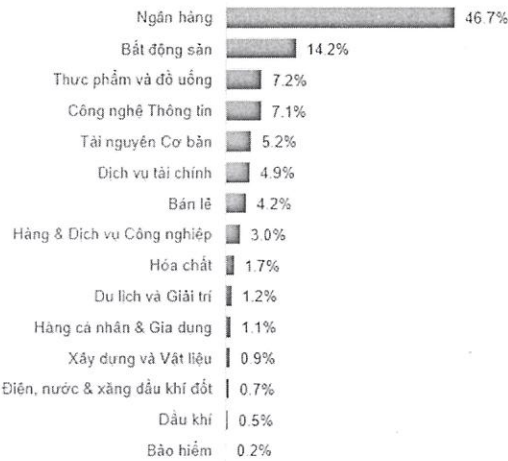
product types (stocks, bonds, etc.) (details about the entire portfolio by ticker symbol are not required):

Danh mục đầu tư theo tài sản như sau/ Portfolio breakdown by asset:

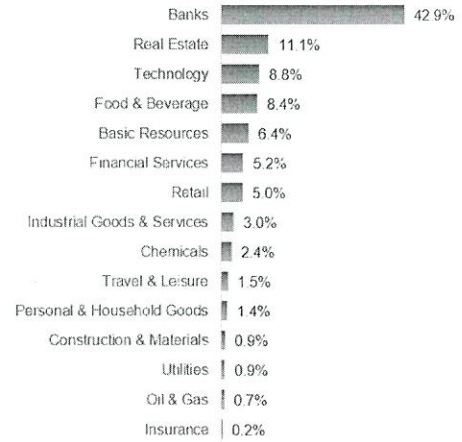
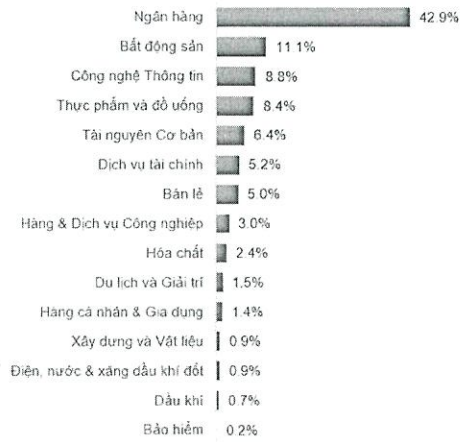
Cơ cấu tài sản quỹ/ Fund's asset structure	Tại ngày 30/06/2025 At 30 June 2025	Tại ngày 30/06/2024 At 30 June 2024	Tại ngày 30/06/2023 At 30 June 2023
Danh mục chứng khoán/ Investment portfolio	98.88%	98.67%	99.07%
Tài sản khác/ Other assets	1,12%	1,33%	0,93%
Tổng cộng/ Total	100%	100%	100%

- Danh mục đầu tư phân bổ theo ngành như sau/ Portfolio breakdown by sectors:

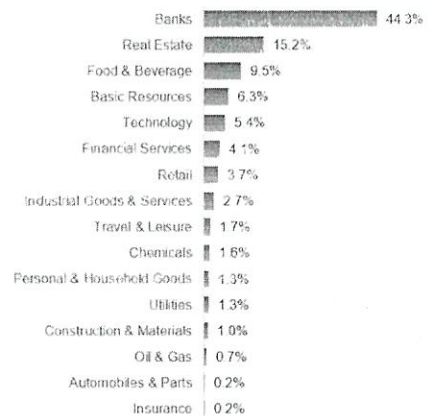
+ Tại ngày 30/06/2025/ At 30 June 2025



+ Tại ngày 30/06/2024/ At 30 June 2024



+ Tại ngày 30/06/2023/ At 30 June 2023



Giá trị tài sản ròng/ <i>Net asset value</i>	Tại ngày 30/06/2025 <i>At 30 June 2025</i>	Tại ngày 30/06/2024 <i>At 30 June 2024</i>	Tại ngày 30/06/2023 <i>At 30 June 2023</i>
Của Quỹ ETF/ <i>Of ETF fund</i>	53,873,789,547	52,941,027,892	45,031,018,597
Của một lô Chứng chỉ quỹ ETF/ <i>per lot of ETF Fund Certificate</i>	1,036,034,414	928,789,963	790,017,870
Của một chứng chỉ quỹ/ <i>per Fund Certificate</i>	10,360.34	9,287.89	7,900.17

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất trong kỳ báo cáo/ *Highest NAV per Fund Certificates in the period:*
10,360.34

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ thấp nhất trong kỳ báo cáo/ *Lowest NAV per Fund Certificates in the period:*
8,139.04

- Tổng lợi nhuận của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán, nêu chi tiết phần lợi nhuận thu được từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn) và phần lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cả tức, trái tức, lãi suất tiền gửi...) (giá trị thu nhập)/ *);/ Total profits of the Fund, including detailed information about profits accrued from the growth in securities price (capital gains) and profits accrued from yields on securities (dividends, coupons, deposit interests, etc.) (income value):*

STT/No	Chỉ tiêu/ <i>Items</i>	Kỳ/ Period 30/06/2025	Kỳ/ Period 30/06/2024	Kỳ/ Period 30/06/2023
1	Thu nhập, doanh thu từ hoạt động đầu tư/ <i>Investment income</i>	4,674,462,831	6,559,763,976	5,152,231,860
2	Chi phí đầu tư/ <i>Investment expense</i>	7,232,832	2,454,438	3,238,574
3	Chi phí hoạt động/ <i>Operation expense</i>	637,890,816	617,745,332	566,106,260
4	Kết quả hoạt động đầu tư/ <i>Gain (losses) from investment</i>	4,029,339,183	5,939,564,206	4,582,887,026
5	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	4,029,339,183	5,939,564,206	4,582,887,026
6	Lợi nhuận kế toán sau thuế/ <i>Profit after tax</i>	4,029,339,183	5,939,564,206	4,582,887,026

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo, kể cả trong trường hợp chi trả bằng tiền mặt hoặc chi trả bằng đơn vị quỹ/ *Distributed profits per fund unit (net value and gross value) in the reporting period, including profits distributed in cash or by fund units:* Không có/None

- Thời điểm phân chia lợi nhuận/ *Time of profit distribution:* Không có/None

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận/ *NAV per fund unit determined*

before and after the profit distribution: Không có/None

- Thông tin về các khoản vay nợ, các hạng mục thanh toán trả sau của công ty đầu tư chứng khoán (nếu có), các giao dịch repo/reverse repo/ *Information about the Debt obligations, Deferred payment items of securities investment company (if any), Repo/Reverse repo transactions:* Không có/None

b) Chi tiêu về lợi nhuận của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán/ *Profit indicator of the fund:*

Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán phát sinh trong kỳ báo cáo xác định/ *Total annual profit of the fund earned during the reporting period shall be determined:*

Quỹ thành lập từ 14/09/2021 tính đến thời điểm làm báo cáo 30/06/2025, thời gian hoạt động trên 03 năm/ *The fund was established on September 14, 2021. As of the reporting date of June 30, 2025, it has been in operation for more than three years.*

Lợi nhuận bình quân/ *Average Profit:* 329,774,493.13

Tính tới ngày lập báo cáo/ <i>At reporting date</i>	Tổng lợi nhuận
Năm/ year 2023	6,553,332,115
Năm/ year 2024	7,656,633,984
Bán niên/ Interim period of 2025	4,029,339,183

c) Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc/ *Other comparison criteria which must comply with the following rules:*

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác/ *Methods and rules for determination of value of assets and profits are consistently applied, publicly announced and audited by another independent organization:* nguyên tắc xác định giá trị tài sản của Quỹ được quy định chi tiết trong Điều lệ quỹ và sổ tay định giá của Quỹ./ *Methods and rules for determination of value of assets are described in the Fund Charter and Valuation Handbook of the Fund.*

- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập/ *Data and figures are provided by an independent organization:* Không có/ *None*

d) Khuyến cáo: các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư/ *Recommendation: The previous information about operating results of the fund is for reference only and does not mean that the investor's profit from investment is guaranteed.*

3. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ/ *Reporting on management of assets by the fund management company*

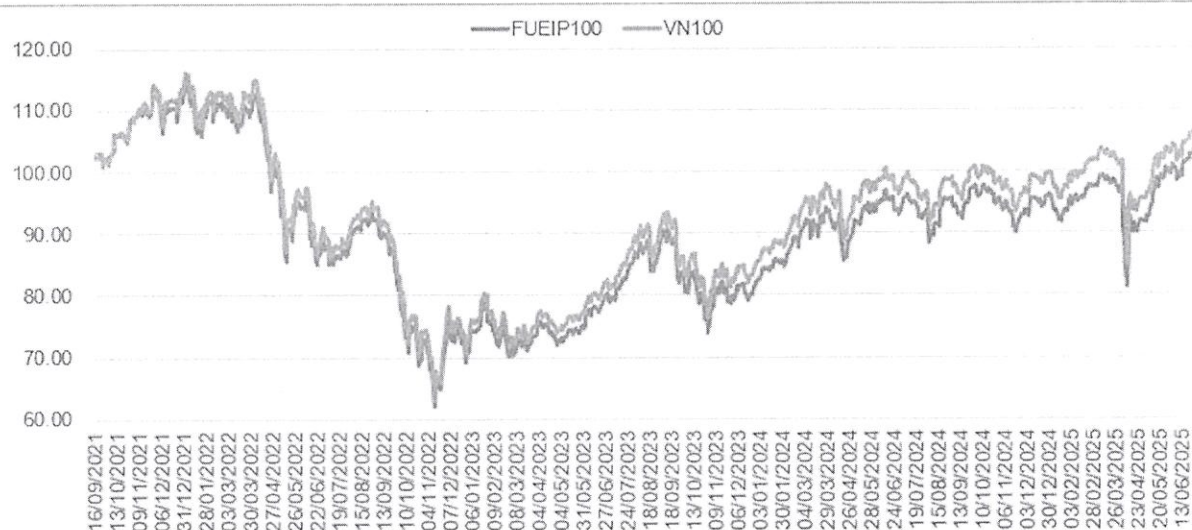
Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ phải bao gồm các nội dung sau/ *The report on the management of assets of the fund management company shall include the following contents:*

a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ/ *Notes about the replacement of the fund management company (if any)* : Không có/ *None*

b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư (thuyết minh này chỉ cần thiết tại báo cáo hàng năm của quỹ)/ *Explanations about the fulfillment of investment objectives by the fund (if the annual report of the fund/securities investment company is submitted):*

Mục tiêu đầu tư của quỹ là bám sát mức sinh lời thực tế của chỉ số VN100 trong tất cả các giai đoạn, tại 30/06/2025, Quỹ có mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu ở mức thấp, trong mức quy định, khoảng 0,68%/ *The objective of the fund is to replicate the performance of VN100 Index during the reporting period, at 30 June 2025, the fund achieved this objective with tracking error of 0.68% compared to benchmark index.*

c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị))/ *Comparison between the profits earned by the fund and the benchmark portfolio's profits, underlying indexes specified in the prospectus of the same reporting period (via graph):*



d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian 05 năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị))/ *Comparison between the profits earned by the fund and the benchmark portfolio's profits, underlying indexes specified in the prospectus for the period of 05 recent years, up to the reporting date (via graph):*

Quỹ thành lập ngày 14/09/2021 nên không có dữ liệu của 05 năm gần nhất/ *The fund has established at 14 September 2021, therefore none of data for the period of 05 recent years.*

e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải

bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ/ *Description of investment strategies which have been applied by the fund during the reporting period. If the investment strategies applied during the period are different from those specified in the prospectus, explanations about such difference and assessment of advantages and disadvantages of the investment strategies applied during the period shall be provided:*

Trong kỳ quỹ áp dụng chính xác các chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch/ *In the period, the fund applied the investment strategies published in the prospectus.*

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo/ *Description of the difference between the investment portfolio of the fund at the reporting time and that in the year preceding the reporting year:*

Cơ cấu danh mục của Quỹ ngày 30/06/2025 không có thay đổi gì nhiều so với kỳ 30/06/2024 khi tỷ trọng của cổ phiếu là khoảng 99%, do quỹ là loại hình hoán đổi danh mục mô phỏng theo chỉ số/ *The investment portfolio of the fund at 30/06/2025 remained largely unchanged compared to that of 30/06/2024, with equity weight accounting for around 99%, as the fund is an exchange-traded fund designed to replicate an index.*

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất;/ *Analysis on operating results of the fund on the basis of comparison between the NAV per fund unit (after adjustment of the distributed profits, if any) in this reporting period and that in the previous reporting period:*

NAV/CCQ của Quỹ tại 30/06/2025 là 10,360.34 đồng, tăng 3.60% từ ngày góp vốn, cùng thời gian đó, chỉ số VN100 tăng 6.97%/ *The Fund's net asset value per share as of 30/06/2025 was 10,360.34 dong, increased 3.6% compared to that of the first establishment date, at the same time, the VN100 index increased 6.97%.*

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu, cổ phiếu blue-chips, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small-cap)..)/ *Assessment of the market fluctuations during the reporting period, including foreign markets in which the fund makes investments, and the information about return on investment of each type of assets such as shares, blue-chips, small-cap stocks, etc.*

Trong nửa đầu năm 2025, thị trường chứng khoán Việt Nam phục hồi khi chỉ số VN-Index tăng khoảng 8.6% so với cuối năm 2024. Giá trị chỉ số VN30 đại diện cho các cổ phiếu có vốn hóa lớn và thanh khoản hàng đầu Việt Nam có mức tăng 9.88%, chỉ số các cổ phiếu có vốn hóa vừa (VNMid-cap) có mức tăng 4.98% và chỉ số các cổ phiếu có vốn hóa nhỏ (VNSmall-cap) có mức tăng 0.27%/ *In the first half year 2025, the Vietnamese stock market experienced growth, with the VN-Index rising by approximately 8.6% compared to the end of 2024. The VN30 Index, which represents Vietnam's largest and most liquid stocks, increased by 9.88%, while the VNMid-cap Index rose by 4.98%, and the VNSmall-cap Index gained 0.27%.*

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách)/ *Information about full/partial division of a fund unit in the period (if any); impacts of such division and NAV per fund unit (after the division):* Không có/ *None*

k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ/ *Cases in which rights and benefits of holders of fund certificates are influenced*: Không có/ *None*

l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan)/ *Information about transactions made with individuals who have related rights and benefits (if any)*: Không có/ *None*

m) Các thông tin khác (nếu có)/ *Other information (if any)*: Không có/ *None*

4. Báo cáo về hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát/ *Reporting on operations of the supervisory bank*

Ngân hàng giám sát đưa ra ý kiến về sự tuân thủ quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch của Công ty quản lý quỹ trong quá trình vận hành và quản lý quỹ đối với các nội dung sau/ *The Fund's supervisory bank gives the opinions about the compliance of the law, and the management company's rules at Fund's charter and prospectus in the operation and management to the following contents*:

- a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ hoán đổi danh mục, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan / *During our supervision of the Fund's investments and asset transactions for the period ending at 30 June 2025, the Fund's investment portfolio complied with-investment limits under prevailing regulations for exchange traded fund, Fund Charter, Fund Prospectus and other relevant regulations.*
- b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ ETF IPAAM VN100 đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan / *Determination of net asset value as prescribed by law and regulations, Fund Charter, Fund Prospectus.*
- c) Trong kỳ, Quỹ đã thực hiện các giao dịch hoán đổi Chứng chỉ Quỹ phù hợp với Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan/ *In the year, the Fund implemented Fund certificate exchange transactions as prescribed by law and regulations, Fund Charter and Fund Prospectus.*
- d) Trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư/ *In the financial period ending 30 June 2025, the Fund did not implement the distribution of profits for the investors.*

5. Báo cáo về hoạt động ủy quyền/ *Reporting on authorized activities*

Công ty quản lý quỹ phải lập báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức khác (bên nhận ủy quyền), như dịch vụ đại lý chuyển nhượng, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng với các nội dung sau/ *The fund management company must prepare a report on assessment of quality of services rendered by other entities (authorized parties) such as transfer agent services, fund management services, NAV valuation services, etc. with the following contents*:

- a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ / *Payments made to the authorized parties, compared with profits, incomes and total operating expenses of the fund*:

Chỉ tiêu/ <i>Items</i>	Tỷ lệ so với lợi nhuận <i>Compared with profits</i>	Tỷ lệ so với chi phí hoạt động <i>Compared with total operating expenses</i>	Tỷ lệ so với thu nhập <i>Compared with incomes</i>
Tỷ lệ chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng / <i>Transfer Agent Fee rate</i>	0.82%	5.17%	0.71%
Tỷ lệ chi phí dịch vụ quản trị quỹ/ <i>Fund Administrative Fee rate</i>	2.46%	15.52%	2.12%

b) Việc đăng ký sở hữu tài sản (đối với trường hợp công ty đầu tư chứng khoán bất động sản))/ *Registration of ownership of assets (for a real estate securities investment company);*

c) Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ: làm tăng chi phí nhưng không đáng kể/ *Impacts (if any) of authorized activities on the profits and level of risks incurred the fund: Increase the expend but not substantial.*

d) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ))/ *Total costs for performing authorized activities paid to the authorized party (in case the authorized party provides many services for the fund management company):*

Chỉ tiêu/ <i>Items</i>	Số tiền/ <i>Amounts</i>
Chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng / <i>Transfer Agent Fee</i>	33.000.000
Chi phí dịch vụ quản trị quỹ / <i>Fund Administrative Fee</i>	99.000.000

đ) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư / *Assessment of the maintenance of the internal control system, risk management system, information confidentiality, technical facilities, hot stand-by system, disaster recovery system, etc. of the authorized party, which must ensure that the authorized activities will be thoroughly performed, and will not cause adverse influence on investors.*

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: HC

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ
CHỨNG KHOÁN I.P.A/

*I.P.A Securities Investment Fund Management
Limited Company*

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(Signature, full name and stamped)



CHỦ TỊCH
Phạm Minh Hương



